

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Long; Bà Nguyễn Thị Hoan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh ngày 24/10/1988; ĐKKHKT: Xóm V, thôn Q, xã Y, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã Tr, tỉnh Thanh Hóa; CCCD số 038188029914 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/8/2021.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản: Công ty Luật TNHH Thông Tuệ; Địa chỉ trụ sở: Số 105, phố Đình Thôn, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ A - Giám đốc; Người được phân công giao nhận tài liệu: Chị Vương Thị Lan A, sinh năm 1992; ĐKKHKT: Thôn Uông Hạ, xã Thái Tân, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân T1, sinh ngày 06/12/1988; Địa chỉ: Xóm V, thôn Q, xã Y, thành phố Hải Phòng; CCCD số 030088008681 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Gia Lộc, tỉnh

Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng) ngày 10/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì anh T1 đi lao động tại Ả rập xê-út, thời gian đầu anh vẫn liên lạc về gia đình, kể từ năm 2023 anh ít liên lạc về hơn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chủ yếu mâu thuẫn liên quan đến lối sống, suy nghĩ, bên cạnh đó anh đã có người phụ nữ khác, chị liên lạc nói chuyện nhưng anh T1 không thừa nhận. Từ đó vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau. Kể từ tháng 9/2025, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, hiện tại anh T1 đã về nước nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Xuân T1.

Về con chung: Chị và anh Tuyển có 02 con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/12/2014 và Phạm Anh Th, sinh ngày 16/6/2016. Hiện tại cháu K đang ở với anh T1, cháu Th đang ở với chị. Chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Phạm Anh Th; anh T1 nuôi con Phạm Tuấn K cho đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Các bên tự thống nhất về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị ủy quyền cho Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Thông Tuệ thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người được chị Tươi ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Vương Thị Lan A trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị T, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị T biết, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Xuân T1 đều vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh T1 trình bày, do bận công việc nên không có mặt theo yêu cầu của Tòa án được.

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh nhất trí mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Phạm Tuấn K, chị T nuôi con Phạm Anh Th cho đến khi các con trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không có gì và anh đề nghị được xét xử vắng mặt.

- *Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Lê Thị T2 và bà Phạm Thị T2 trình bày:* Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị T, anh T1 chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng đến năm 2019 thì anh Tuyền đi lao động tại Ả rập xê-út. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc, nói chuyện bình thường nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do sống xa cách nên vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ tình cảm của nhau, bên cạnh đó chị Tươi có thái độ không tôn trọng mẹ chồng. Tháng 9/2025 chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T1 đã về nước nhưng vợ chồng không hàn gắn được với nhau. Gia đình hai bên cũng khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T có đơn xin ly hôn, anh T1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn, hai bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Phạm Tuấn K và cháu Phạm Anh Th trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu Phạm Tuấn K có nguyện vọng được ở với bố, cháu Phạm Anh Th có nguyện vọng được ở với mẹ.

Theo xác minh tại thôn Q, xã Y: Chị T, anh T1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương đến năm 2019 anh T1 đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi. Do vậy vợ chồng có mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Hiện tại anh T1 đã về nước nhưng chị T cũng đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T về việc đề nghị xin ly hôn anh Phạm Xuân T1.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Tuấn K - sinh ngày: 02/12/2014 cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao con chung là cháu Phạm Anh Th - sinh ngày 16/06/2026 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1, chị T hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau. Chị T, anh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

- Về tài sản chung, công nợ: Không
- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Phạm Xuân T1 hiện đang cư trú tại thôn Q, xã Y, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Tại phiên tòa, chị T và anh T1 đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã Y, thành phố Hải Phòng) ngày 10/02/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019, anh T1 đi lao động tại Ả rập xê-út, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, thời gian đầu anh chị vẫn liên lạc nói chuyện với nhau. Từ năm 2023, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ tình cảm của nhau, từ đó không có tiếng nói chung, mỗi khi liên lạc lại xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, từ đó anh chị không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Tháng 9/2025 chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, năm 2025 anh T1 về nước nhưng mâu thuẫn không cải thiện, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Anh T1 đã được Tòa án thông báo về việc chị T có đơn xin ly hôn và triệu tập đến làm việc nhưng không có mặt, chứng tỏ anh Tuyên có ý thức bỏ mặc, không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hơn nữa anh cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tươi.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T, anh T1 có 02 con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/12/2014 và Phạm Anh Th, sinh ngày 16/6/2016. Hiện cháu K

đang ở với anh T1, cháu Th đang ở với chị T. Anh chị thống nhất mỗi người nuôi một con, chị T nuôi con Phạm Anh Th; anh Tuyển nuôi con Phạm Tuấn K cho đến khi các con trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. HĐXX xét thấy, thỏa thuận của anh chị phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy cần giao con Phạm Tuấn K cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Phạm Anh Th cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 328, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Phạm Xuân T1.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/12/2014 cho anh Phạm Xuân T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Anh Th, sinh ngày 16/6/2016 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T1, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh T1, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0003736 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (do chị Vương Thị Lan A nộp thay). Chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T, anh Phạm Xuân T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 11-Hải Phòng;
- UBND Y, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện